

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NĂNG LƯỢNG VÀ  
BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

**Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NĂNG LƯỢNG VÀ  
BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021



## MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 37

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyên đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2005. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 14 ngày 27/10/2021, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp là 0100103295.

Công ty có trụ sở tại Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Hải Anh     | Ủy viên       |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Ủy viên       |
| - Ông Trần Ngọc Chiến  | Ủy viên       |
| - Ông Đỗ Quang Tuấn    | Ủy viên       |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                             |                   |                                   |
|-----------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Hưng      | Tổng Giám đốc     | <i>Bổ nhiệm ngày 19/04/2021</i>   |
| - Ông Trần Hải Anh          | Tổng Giám đốc     | <i>Miễn nhiệm ngày 19/04/2021</i> |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền      | Phó Tổng giám đốc |                                   |
| - Ông Ngô Tuấn Anh          | Phó Tổng giám đốc | <i>Miễn nhiệm ngày 05/07/2021</i> |
| - Ông Trịnh Thái Sơn        | Phó Tổng giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 14/01/2022</i>   |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng giám đốc |                                   |
| - Bà Phạm Thị Chinh Lương   | Kế toán trưởng    |                                   |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |                      |                                   |
|------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| - Ông Hoàng Mạnh Tuấn  | Trưởng Ban kiểm soát | <i>Miễn nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| - Bà Đinh Thị Vân      | Trưởng Ban kiểm soát | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i>   |
| - Bà Hoàng Thị Kim Anh | Thành viên           |                                   |
| - Ông Nguyễn Thiết     | Thành viên           | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i>   |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 37. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng số I.6 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần được đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Thay mặt Công ty



Ông Nguyễn Ngọc Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022



Tel: +84 (0)24 37833911/12/13  
Fax: +84 (0)24 37833914  
www.bdovietnam.vn

20<sup>th</sup> Floor, Icon 4 Tower  
243A De La Thanh St  
Dong Da District, Hanoi,  
Vietnam

Số: BCKT/BDO/2022. 201...

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022 từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng đến thuyết minh số VII.4 Thông tin hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 57.710.125.419 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 374.305.422.336 đồng. Đồng thời theo quyết định số 31404/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2021 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 với số tiền thuế bị cưỡng chế là 22.485.077.489 đồng. Trong thời gian qua Công ty đã nộp bổ sung thuế dẫn đến số thuế còn nợ tại ngày 31/03/2022 là: 7.870.311.663 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 56/2021/BCKT/CPA HN phát hành ngày 30/03/2021 đã đưa ý kiến ngoại trừ về vấn đề không xác nhận được tính hiện hữu và chính xác của khoản mục nợ phải thu, nợ phải trả và vấn đề nhấn mạnh về tính hoạt động liên tục của Công ty.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



**Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

**Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Số cuối năm	Số đầu năm đã điều chỉnh lại
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>289.574.802.993</b>	<b>553.657.226.147</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.542.381.596</b>	<b>1.005.767.736</b>
1.	Tiền	111		11.542.381.596	1.005.767.736
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>237.300</b>	<b>710.823.067</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		237.860	710.823.067
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(560)	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>228.498.057.335</b>	<b>454.899.278.145</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	87.266.578.508	238.356.388.407
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.857.142.632	40.403.335.960
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.315.803.868	700.663.090
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	147.945.418.695	304.898.634.348
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.886.886.368)	(129.459.743.660)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>47.910.663.113</b>	<b>91.045.535.517</b>
1.	Hàng tồn kho	141		47.910.663.113	155.363.668.838
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(64.318.133.321)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.623.463.649</b>	<b>5.995.821.682</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.758.334	46.535.832
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.496.705.315	5.949.285.850
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>302.923.039.383</b>	<b>346.503.049.730</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.223.421.335</b>	<b>15.964.335.303</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.223.421.335	15.964.335.303
	Nguyên giá	222		89.172.071.482	95.657.892.528
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.948.650.147)	(79.693.557.225)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>103.352.786.862</b>	<b>106.101.801.634</b>
	Nguyên giá	231		132.036.029.974	132.036.029.974
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.683.243.112)	(25.934.228.340)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>721.443.057</b>
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	721.443.057
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>187.346.831.186</b>	<b>223.715.469.736</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		14.650.290.029	28.150.290.029
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		206.080.000.000	210.287.240.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.891.470.000	9.891.470.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(43.274.928.843)	(24.613.530.293)
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>592.497.842.376</b>	<b>900.160.275.877</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm đã điều chỉnh lại
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>403.351.655.122</b>	<b>674.813.523.035</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>251.351.655.122</b>	<b>443.538.217.964</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	81.816.442.524	199.544.597.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.484.086.242	54.308.847.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.998.149.104	38.653.248.035
4. Phải trả người lao động	314		735.084.085	1.053.384.651
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	37.695.182.499	40.735.668.862
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	90.379.546.417	93.106.427.400
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	320.640.000	7.785.563.576
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	3.969.753.718	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.952.770.533	8.350.480.533
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>152.000.000.000</b>	<b>231.275.305.071</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	152.000.000.000	215.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	15.725.305.071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	550.000.000
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>189.146.187.254</b>	<b>225.346.752.842</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>189.146.187.254</b>	<b>225.346.752.842</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(374.305.422.336)	(338.104.856.748)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(338.104.856.748)	(336.642.269.076)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(36.200.565.588)	(1.462.587.672)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>592.497.842.376</b>	<b>900.160.275.877</b>

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm trước đã điều chỉnh lại	
			Số năm nay	Số năm trước đã điều chỉnh lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107.407.529.535	86.993.585.935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.407.529.535	86.993.585.935
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	105.327.156.742	73.274.012.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.080.372.793	13.719.573.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.028.447.774	1.480.830.429
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.760.794.195	9.837.141.113
Trong đó: chi phí lãi vay	23		97.031.320	518.977.764
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.072.915.266	6.858.392.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.724.888.894)	(1.495.129.977)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	14.351.839.865	1.686.204.114
12. Chi phí khác	32	VI.7	28.823.540.706	1.653.661.809
13. Lợi nhuận khác	40		(14.471.700.841)	32.542.305
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(36.196.589.735)	(1.462.587.672)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.975.853	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(36.200.565.588)	(1.462.587.672)

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Ngọc Bình

Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

**B03-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước đã điều chỉnh lại
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(36.196.589.735)</b>	<b>(1.462.587.672)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.943.089.020	5.153.568.617
- Các khoản dự phòng	03		(146.259.837.785)	(192.709.169.606)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	88.708.149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		758.076.669	(931.828.843)
- Chi phí lãi vay	06		97.031.320	518.977.764
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(176.658.230.511)</b>	<b>(189.342.331.591)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		331.830.201.376	179.485.583.961
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		107.453.005.725	52.774.607.899
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(236.807.719.312)	(33.645.145.367)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(80.222.502)	(10.078.910)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		710.585.207	(368.573.067)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.837.204.272)	(470.175.416)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.299.766.573)	(5.238.168.405)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(397.710.000)	(451.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.912.939.138</b>	<b>2.733.919.104</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(54.545.455)	(2.016.369.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		401.363.637	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.119.526.778)	(6.405.663.090)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.437.427.096	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.917.602.000	22.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231.582.869	931.828.843
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>22.813.903.369</b>	<b>14.909.796.453</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước đã điều chỉnh lại
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		39.870.000.000	15.980.923.576
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.060.228.647)	(33.650.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(23.190.228.647)</i>	<i>(17.669.076.424)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.536.613.860	(25.360.867)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.005.767.736	1.031.144.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(15.879)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		<u>11.542.381.596</u>	<u>1.005.767.736</u>

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

Phạm Thị Chinh Lương

Phạm Thị Chinh Lương

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. Thông tin chung

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là MCG theo giấy phép số 109/UBCK-GPNY ngày 24 tháng 09 năm 2009 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

#### 2. Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:** Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng đáng kể đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như những đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên thông tin tin cậy có được đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Trong năm Công ty đã thực hiện xử lý tài chính theo tờ trình số 01/2022/TT-TCKT-MCG ngày 08/02/2022 Về việc "Xử lý công nợ, tài sản, tổn thất tài chính". Công ty thực hiện xóa nợ: 103.920.712.051 đồng, xóa dự phòng hàng tồn kho: 69.390.152.490 đồng, xử lý công nợ 11.045.232.831 đồng (trong đó hoàn nhập dự phòng: 672.145.241 đồng, chi phí khác: 25.741.820.217 đồng và thu nhập khác: 14.024.442.145 đồng) trích lập hàng tồn kho 9.418.476.103 đồng và hạch toán vào chi phí: 113.414.295 đồng.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

**Danh sách các công ty con tại ngày 31/12/2021**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	Thôn Đồng Lạt, X. Trung Sơn, H. Lương Sơn, Hòa Bình	92,05%	75%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Công ty đang tạm dừng và giấy phép khai thác đã hết hạn
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Thôn Ngọc Loan, X. Tân Quang, H. Văn Lâm, Hưng Yên	100%	51,48%	Xây dựng; Sản xuất cơ khí

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Danh sách công ty liên doanh, liên kết ngày 31/12/2021

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 6A/52 Nguyễn Trãi, Tổ 9, P. Quyết Thắng, TP. Sơn La, Sơn La	46%	46%	Sản xuất, kinh doanh điện

### Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ	Hoạt động CN
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Xây dựng
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chẽ, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động

#### 7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 35 người (Tại ngày 31/12/2020 là 44 người).

#### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và được điều chỉnh sau khi phát hiện sai sót tại ngày 31/12/2020.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT - BTC.

Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm tài chính gần nhất.

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

*Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.*

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.*

- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

*Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.*

**b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20 % đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng, các khoản thu hộ chỉ hộ...).

**Theo dõi khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.

**Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được tập hợp theo từng công trình, dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư****a) Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.



Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Năm nay</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 18 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	01 - 03 năm

**Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ**

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về “sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**b) Bất động sản đầu tư (BĐSDT)**

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSDT được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSDT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

**6. Nguyên tắc kế toán thuế**

**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

**b) Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng: công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm, chi phí trả trước khác theo thời gian thực tế phát sinh.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ phần hóa, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

##### *Theo dõi các khoản phải trả*

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu/hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

##### *Ghi nhận chi phí đi vay*

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa có hóa đơn.

##### *Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả*

- **Phải trả chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ:** Căn cứ Hợp đồng kinh tế, thực tế sử dụng hàng hóa và dịch vụ của nhà cung cấp trong kỳ.

- **Trích trước chi phí lãi vay:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

**Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập kỳ này so với số dự phòng phải trả đã lập kỳ trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

**Căn cứ trích lập dự phòng phải trả**

**Chi phí bảo hành công trình**

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành các công trình được ước tính theo tỷ lệ 2 - 5 % giá trị quyết toán của các công trình, căn cứ cam kết trong hợp đồng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh số chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

**Cổ phiếu phổ thông:** Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu:** Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

**Cổ phiếu quỹ:** Là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại, các cổ phiếu này không bị hủy bỏ và được tái phát hành trở lại theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Giá trị cổ phiếu quỹ gồm: giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

**b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt thi công công trình, dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư, cho thuê tài sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Lãi tiền gửi:* Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Doanh thu hoạt động tài chính khác:* Bao gồm doanh thu kinh doanh chứng khoán, lãi chênh lệch tỷ giá và một số khoản doanh thu tài chính khác.

### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

*Chi phí lãi vay:* Ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất vay theo hợp đồng.

*Chi phí tài chính khác:* bao gồm chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

### 17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các khoản hoàn nhập dự phòng phải thu

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	764.404.626	773.863.709
Tiền gửi ngân hàng	10.777.976.970	231.904.027
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	11.542.381.596	1.005.767.736

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
Cổ phiếu Vietinbank (CTG)	237.860	560	237.300	679.836.719	-	679.836.719
Cổ phiếu CTCP Licogi 16 (LCG)	-	-	-	30.986.348	-	30.986.348
<b>Tổng cộng</b>	<b>237.860</b>	<b>560</b>	<b>237.300</b>	<b>710.823.067</b>	<b>-</b>	<b>710.823.067</b>

**2.2 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	6.602.207.076	6.602.207.076	-	6.602.207.076	6.602.207.076	-
Công ty cổ phần Bất động sản MCG	-	-	-	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	8.048.082.953	7.785.532.786	262.550.167	8.048.082.953	-	8.048.082.953
<b>Cộng</b>	<b>14.650.290.029</b>	<b>14.387.739.862</b>	<b>262.550.167</b>	<b>28.150.290.029</b>	<b>6.602.207.076</b>	<b>21.548.082.953</b>

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC của Công ty con.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con trong năm như sau:**

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Khoáng sản MECO trong năm là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm trong năm là sản xuất sản phẩm bằng kim loại.

**Các giao dịch trọng yếu giữa đơn vị và Công ty con trong năm:**

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2.

**2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	-	-	4.207.240.000	518.276.103	3.688.963.897
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	206.080.000.000	23.012.372.362	183.067.627.638	206.080.000.000	13.893.047.114	192.186.952.886
<b>Cộng</b>	<b>206.080.000.000</b>	<b>23.012.372.362</b>	<b>183.067.627.638</b>	<b>210.287.240.000</b>	<b>14.411.323.217</b>	<b>195.875.916.783</b>

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán của các công ty liên doanh liên kết.

**Các giao dịch trọng yếu giữa đơn vị và Công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**2.4 Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Đầu tư và PT các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Công ty CP BP Tư vấn và ĐTXD	1.800.000.000	33.346.619	1.766.653.381	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-
Công ty CP Cơ điện và xây dựng Hòa Bình	2.241.470.000	2.241.470.000	-	2.241.470.000	-	2.241.470.000
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.891.470.000</b>	<b>5.874.816.619</b>	<b>4.016.653.381</b>	<b>9.891.470.000</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>6.291.470.000</b>

**3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu từ khách hàng khác</b>	<b>44.771.016.449</b>	<b>196.008.543.304</b>
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 1	11.043.060.854	-
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4	-	15.550.778.635
Công ty CP Nam Vang	-	23.236.230.322
Công ty CP Máy và thiết bị Hà Nội	-	22.582.569.820
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	28.169.944.000
Công ty CP Long Giang TSQ	-	12.498.994.330
Công ty CP Linh Gas Việt Nam	-	26.598.481.094
Tổng công ty Cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	9.485.052.564
Ông Nguyễn Văn Dũng	8.832.059.292	8.832.059.292
Các khách hàng còn lại	24.723.167.638	49.054.433.247
<b>Phải thu từ bên liên quan</b>	<b>42.495.562.059</b>	<b>42.347.845.103</b>
<i>(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>87.266.578.508</b>	<b>238.356.388.407</b>

**4. Trả trước cho người bán****4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán là các bên khác</b>	<b>9.723.978.632</b>	<b>39.270.171.960</b>
Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên	8.044.307.717	8.744.394.177
Công ty DKS CO., LTD	-	23.145.455.220
Công ty CP Long Giang TSQ	-	1.240.919.805
Công ty CP Xây dựng Phúc Cường	-	1.075.000.000
Công ty CP BP tư vấn & đầu tư xây dựng	-	1.000.000.000
Các nhà cung cấp còn lại	1.679.670.915	4.064.402.758
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>1.133.164.000</b>	<b>1.133.164.000</b>
<i>(Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>10.857.142.632</b>	<b>40.403.335.960</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm (*)	7.315.803.868	700.663.090
<b>Cộng</b>	<b>7.315.803.868</b>	<b>700.663.090</b>

(\*) Khoản cho vay với lãi suất 5%/năm để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng và được gia hạn trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu tiếp tục vay và cho vay. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

**6. Phải thu khác**

**6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	131.351.860.651	-	75.096.542.338	-
+ Ban chỉ huy Công trình Nậm Hóa I (Đại diện: Ông Mai Quốc Ân)	35.283.370.892	-	35.435.370.892	-
+ Ban điều hành Công trình Khánh Khê (Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Bình)	7.740.567.000	-	7.740.567.000	-
+ Ông Nguyễn Ngọc Hưng	6.744.023.000	-	12.778.233.000	-
+ Ông Phan Văn Trung	7.775.426.000	-	7.775.426.000	-
+ Ông Nguyễn Ngọc Bình (*)	63.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng còn lại	10.808.473.759	-	11.366.945.446	-
Công ty CP Bất động sản MECO	-	-	141.780.800.000	-
Dự án Dương Nội	-	-	46.930.800.213	-
Bà Lê Thị Bích Lộc (Ủy thác gửi tiền tiết kiệm tại SHB)	-	-	10.933.041.096	-
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	9.477.520.000	9.477.520.000	2.861.256.000
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện Triết Giang	-	-	5.765.470.753	5.765.470.753
Phải thu khác	7.116.038.044	229.376.548	14.914.459.948	3.642.215.570
<b>Cộng</b>	<b>147.945.418.695</b>	<b>9.706.896.548</b>	<b>304.898.634.348</b>	<b>12.268.942.323</b>

(\*): Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Bình là: Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

**6.2 Phải thu khác là bên liên quan**

Xem thuyết minh VII.2

**7. Nợ xấu**

**7.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>						
Công ty CP Linh Gas Việt Nam	-	-	-	26.598.481.094	(26.598.481.094)	-
Công ty CP Nam Vàng	-	-	-	23.236.230.322	(23.236.230.322)	-
Tổng Công ty Xây dựng thủy lợi 4	-	-	-	15.550.778.635	(15.550.778.635)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	-	-	28.169.944.000	(10.183.899.220)	17.986.044.780
Tổng công ty cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	(172.728.665)	-	9.485.052.564	(9.312.323.899)	172.728.665
Công ty CP Long Giang TSQ	-	-	-	12.498.994.330	(9.488.301.231)	3.010.693.099
Công ty CP Máy và Thiết bị Hà Nội	-	-	-	22.582.569.820	(4.499.569.820)	18.083.000.000
Công ty CP Cơ điện và XDVN số 5	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-	4.344.536.021	-	4.344.536.021
Các đối tượng khác	10.662.725.134	(10.662.725.134)	-	16.578.616.372	(15.210.015.046)	1.368.601.326
<b>Phải thu khác</b>						
Công ty TNHH XD và lắp đặt thủy điện Triết Giang	-	-	-	5.765.470.753	(5.765.470.753)	-
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-	9.477.520.000	(2.861.256.000)	6.616.264.000
Công ty CP Máy và Thiết bị Hà Nội	-	-	-	3.487.892.360	(3.487.892.360)	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hòa Bình	-	-	-	154.323.210	(154.323.210)	-
Các đối tượng khác	229.376.548	(229.376.548)	-	-	-	-
<b>Ứng trước cho người bán</b>						
Công ty CP Long Giang TSQ	-	-	-	1.240.919.805	(1.208.745.674)	32.174.131
Công ty CP Xây dựng Phúc Cường	-	-	-	1.075.000.000	(1.045.000.000)	30.000.000
Các đối tượng khác	-	-	-	857.456.396	(857.456.396)	-
<b>Cộng</b>	<b>24.886.886.368</b>	<b>(24.886.886.368)</b>	<b>-</b>	<b>181.103.785.682</b>	<b>(129.459.743.660)</b>	<b>51.644.042.022</b>

**7.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn**

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.072.293.690	-
Nguyên liệu, vật liệu	108.949.446	-	11.488.786.749	-
Công cụ, dụng cụ	32.436.364	-	32.436.364	-
Chi phí dở dang các Dự án	42.898.914.739	-	136.526.928.975	64.318.133.321
+ Công trình Sông Tranh 2	-	-	57.052.416.933	55.125.767.482
+ Công trình Bình Điền	-	-	5.198.022.228	5.198.022.228
+ Công trình Pleikrong	-	-	3.994.343.611	3.994.343.611
+ Công trình Nậm Hóa	-	-	15.372.387.604	-
+ Dự án 102 Trường Chinh (*)	41.042.932.232	-	42.585.662.818	-
+ Các dự án khác	1.855.982.507	-	12.324.095.781	-
Thành phẩm	13.347.534	-	92.886.080	-
Hàng hóa	-	-	2.031.817.685	-
Hàng gửi đi bán	4.857.015.030	-	118.519.295	-
<b>Cộng</b>	<b>47.910.663.113</b>	<b>-</b>	<b>155.363.668.838</b>	<b>64.318.133.321</b>

(\*) Đây là chi phí dở dang của 51 căn tòa nhà HH1B.

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	64.318.133.321	86.693.674.491
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(64.318.133.321)	(22.375.541.170)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	-	64.318.133.321

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2021	1.556.508.000	82.009.888.512	11.724.475.094	367.020.922	95.657.892.528
Mua trong năm	-	-	54.545.455	-	54.545.455
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	1.796.330.000	4.744.036.501	-	6.540.366.501
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>1.556.508.000</b>	<b>80.213.558.512</b>	<b>7.034.984.048</b>	<b>367.020.922</b>	<b>89.172.071.482</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2021	1.556.508.000	66.045.553.209	11.724.475.094	367.020.922	79.693.557.225
Khấu hao trong năm	-	2.194.074.248	-	-	2.194.074.248
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	249.490.280	4.689.491.046	-	4.938.981.326
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>1.556.508.000</b>	<b>67.990.137.177</b>	<b>7.034.984.048</b>	<b>367.020.922</b>	<b>76.948.650.147</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2021	-	15.964.335.303	-	-	15.964.335.303
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>12.223.421.335</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.223.421.335</b>

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 62.032.848.091 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 71.423.759.050 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay, cầm cố, thế chấp là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****10.1 Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	132.036.029.974	-	-	132.036.029.974
Nhà	123.892.092.623	-	-	123.892.092.623
Cơ sở hạ tầng	8.143.937.351	-	-	8.143.937.351
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>25.934.228.340</b>	<b>2.749.014.772</b>	-	<b>28.683.243.112</b>
Nhà	19.202.586.444	2.583.341.503	-	21.785.927.947
Cơ sở hạ tầng	6.731.641.896	165.673.269	-	6.897.315.165
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>106.101.801.634</b>			<b>103.352.786.862</b>
Nhà	104.689.506.179			102.106.164.676
Cơ sở hạ tầng	1.412.295.455			1.246.622.186

Bất động sản đầu tư cho thuê phục vụ 02 hợp đồng:

+ Hợp đồng số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 với Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam hợp tác cho thuê trung tâm thương mại, văn phòng và tầng hầm với doanh thu 2.850.000.000 đồng/quý;

+ Hợp đồng cho Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm thuê nhà xưởng số 86/2016/HĐKT/MECO-CKVL ngày 28/06/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/PLHĐ/MCG-CKVL ngày 24/11/2021 với doanh thu 1.725.361.414 đồng/năm.

**11. Tài sản dở dang dài hạn****11.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm Tài sản cố định	-	614.138.517
Xây dựng cơ bản dở dang	-	107.304.540
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>721.443.057</b>

Trong năm Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang chi phí khác.

**12. Phải trả người bán****12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Phải trả người bán là bên thứ ba</b>	<b>65.634.717.283</b>	<b>65.634.717.283</b>	<b>105.605.676.724</b>	<b>105.605.676.724</b>
Sinotruck Liuzhou Yunli Special Vehicle Co., Ltd	-	-	19.863.480.000	19.863.480.000
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Các nhà cung cấp còn lại	52.415.346.114	52.415.346.114	72.522.825.555	72.522.825.555
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>16.181.725.241</b>	<b>16.181.725.241</b>	<b>93.938.920.889</b>	<b>93.938.920.889</b>
(Chi tiết phải trả là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)				
<b>Cộng</b>	<b>81.816.442.524</b>	<b>81.816.442.524</b>	<b>199.544.597.613</b>	<b>199.544.597.613</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**12.2 Số nợ người bán quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Sinotruck Liuzhou Yunli Speacial Vehicle Co., Ltd	-	-	19.863.480.000	19.863.480.000
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Công ty CP Long Giang TSQ	-	-	3.533.658.997	3.533.658.997
Công ty CP Linh Gas Việt Nam	-	-	3.491.686.678	3.491.686.678
Công ty CP thương mại Đại Dương	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655
Các nhà cung cấp còn lại	41.769.347.595	41.769.347.595	33.805.108.512	33.805.108.512
<b>Cộng</b>	<b>57.710.125.419</b>	<b>57.710.125.419</b>	<b>76.634.712.011</b>	<b>76.634.712.011</b>

**13. Người mua trả tiền trước****13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên thứ ba</i>	<b>224.651.225</b>	<b>41.131.500.000</b>
Công ty CP Cơ khí chính xác Vinashin	-	41.131.500.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 1	-	10.336.573.146
Các khách hàng còn lại	224.651.225	803.612.233
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	<b>10.259.435.017</b>	<b>2.037.161.915</b>
<i>(Chi tiết người mua trả tiền trước là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>10.484.086.242</b>	<b>54.308.847.294</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****14.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.603.112.674	657.965.240	6.484.246.809	776.831.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.299.766.573	3.975.853	9.299.766.573	3.975.853
Thuế thu nhập cá nhân	69.358.983	426.490.147	102.829.495	393.019.635
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	140.953.911	233.795.972	233.795.972	140.953.911
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.540.055.894	770.856.603	6.627.543.897	16.683.368.600
<b>Cộng</b>	<b>38.653.248.035</b>	<b>2.093.083.815</b>	<b>22.748.182.746</b>	<b>17.998.149.104</b>

**15. Chi phí phải trả****15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	75.242.000	5.815.414.952
Trích trước chi phí công trình	37.619.940.499	34.920.253.910
<b>Cộng</b>	<b>37.695.182.499</b>	<b>40.735.668.862</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**16. Phải trả khác****16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.810.184.538	-
Bảo hiểm xã hội	761.783.124	764.056.776
Kinh phí công đoàn	147.166.993	280.502.147
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Các khoản phải trả khác		
+ Tiền nhận đặt cọc (*)	67.657.097.000	65.892.852.000
+ Phí bảo trì các căn hộ chung cư	8.165.986.988	15.557.642.736
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.848.300	87.848.300
+ Công ty cổ phần Xây dựng MCG	197.083.300	-
+ CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
+ Phải trả, phải nộp khác	4.617.181.448	7.588.310.715
<b>Cộng</b>	<b><u>90.379.546.417</u></b>	<b><u>93.106.427.400</u></b>

(\*) Tiền nhận đặt cọc của một số tổ chức, cá nhân theo Thỏa thuận chuyển nhượng căn hộ tại tòa HH1B.

**16.2 Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (*)	152.000.000.000	215.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>152.000.000.000</u></b>	<b><u>215.000.000.000</u></b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 về việc góp vốn liên doanh đồng kiểm soát Khu vực hợp tác kinh doanh (Gồm khối để trung tâm thương mại tòa HH1, HH2, văn phòng Meco Complex với diện tích 7.000 m<sup>2</sup> và tầng hầm B1, B2, B3, tầng hầm B1-HH2 với diện tích 5.000 m<sup>2</sup>). Số tiền cam kết góp: 152.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 05 năm. Công ty là bên nắm giữ tài sản, Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam chịu trách nhiệm sử dụng mặt bằng để khai thác và cho thuê, trực tiếp thu tiền từ hoạt động kinh doanh mặt bằng Khu vực hợp tác. Công ty sẽ hưởng khoản tiền cố định là 2.850.000.000 đồng/quý mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>7.785.563.576</b>	<b>7.785.563.576</b>	<b>17.050.000.000</b>	<b>24.514.923.576</b>	<b>320.640.000</b>	<b>320.640.000</b>
Bà Phạm Vân Hà	-	-	2.350.000.000	2.350.000.000	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình	1.500.000.000	1.500.000.000	14.700.000.000	16.200.000.000	-	-
Chi nhánh Thanh Hóa vay cá nhân	293.390.000	293.390.000	-	-	293.390.000	293.390.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội - CN Ba Đình SHB	5.964.923.576	5.964.923.576	-	5.964.923.576	-	-
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000	-	-	27.250.000	27.250.000
<b>Cộng</b>	<b>7.785.563.576</b>	<b>7.785.563.576</b>	<b>17.050.000.000</b>	<b>24.514.923.576</b>	<b>320.640.000</b>	<b>320.640.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>15.725.305.071</b>	<b>15.725.305.071</b>	<b>22.820.000.000</b>	<b>38.545.305.071</b>		
Ông Nguyễn Ngọc Bình	15.725.305.071	15.725.305.071	22.820.000.000	38.545.305.071	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.725.305.071</b>	<b>15.725.305.071</b>	<b>22.820.000.000</b>	<b>38.545.305.071</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(336.642.269.076)	226.809.340.514
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(1.462.587.672)	(1.462.587.672)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>575.100.000.000</b>	<b>32.960.749.348</b>	<b>(73.426.398.513)</b>	<b>28.817.258.755</b>	<b>(338.104.856.748)</b>	<b>225.346.752.842</b>
Số dư đầu năm này	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(338.104.856.748)	225.346.752.842
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(36.200.565.588)	(36.200.565.588)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>575.100.000.000</b>	<b>32.960.749.348</b>	<b>(73.426.398.513)</b>	<b>28.817.258.755</b>	<b>(374.305.422.336)</b>	<b>189.146.187.254</b>

**18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Ngọc Bình	89.988.000.000	89.988.000.000
La Mỹ Phượng	43.032.200.000	43.032.200.000
Đào Thùy Linh	36.501.400.000	36.501.400.000
Nguyễn Văn Dũng	35.999.970.000	35.999.970.000
Phan Hải Hà	29.852.400.000	29.852.400.000
Các cổ đông khác	339.726.030.000	339.726.030.000
<b>Cộng</b>	<b>575.100.000.000</b>	<b>575.100.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.100.000.000	575.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>575.100.000.000</u>	<u>575.100.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**18.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại:		
USD	-	306,05
EUR	-	295,38
- Nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm gần đây	287.961.634.457	184.051.396.602

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	81.455.181	283.548.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.044.462.910	64.288.748.668
Doanh thu xây lắp	82.281.611.444	22.421.288.535
Cộng	<u>107.407.529.535</u>	<u>86.993.585.935</u>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	221.034.988
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.842.369.027	16.445.062.483
Giá vốn xây lắp	76.377.097.154	56.607.914.862
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.107.690.561	-
Cộng	<u>105.327.156.742</u>	<u>73.274.012.333</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	439.810.069	1.480.830.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.362.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	378.275.705	-
Cộng	<u>1.028.447.774</u>	<u>1.480.830.429</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	97.031.320	518.977.764
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	113.649.110
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	18.663.762.875	9.173.132.015
Chi phí tài chính khác	-	31.382.224
<b>Cộng</b>	<b><u>18.760.794.195</u></b>	<b><u>9.837.141.113</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.028.092.857	5.192.334.705
Chi phí vật liệu quản lý	254.682.601	245.882.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.404.054	237.212.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	6.055.633
Thuế, phí và lệ phí	5.050.000	9.186.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(672.145.241)	(130.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.160.615.339	1.081.139.837
Chi phí bằng tiền khác	174.215.656	216.581.775
<b>Cộng</b>	<b><u>6.072.915.266</u></b>	<b><u>6.858.392.895</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xóa nợ phải trả	12.961.556.000	-
Các khoản khác	1.390.283.865	1.686.204.114
<b>Cộng</b>	<b><u>14.351.839.865</u></b>	<b><u>1.686.204.114</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt nộp chậm thuế	764.856.603	1.602.883.271
Lỗi thanh lý tài sản	1.200.021.538	-
Xóa nợ phải thu	26.658.281.576	-
Chi phí khác	200.380.989	50.778.538
<b>Cộng</b>	<b><u>28.823.540.706</u></b>	<b><u>1.653.661.809</u></b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.429.002.761	27.722.656.257
Chi phí nhân công	7.118.985.865	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.943.089.020	5.153.568.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.264.715.959	11.732.099.009
Chi phí khác bằng tiền	489.404.691	47.971.544.763
<b>Cộng</b>	<b><u>71.245.198.296</u></b>	<b><u>92.579.868.646</u></b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.975.853	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.975.853</b>	<b>-</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>(36.196.589.735)</b>	<b>(1.462.587.672)</b>
<b>Trong đó:</b>		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	19.879.264	-
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(36.216.468.999)	(1.462.587.672)
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>28.726.350.775</b>	<b>1.840.307.771</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	28.726.350.775	1.850.311.271
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	27.541.534.172	-
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	219.960.000	247.428.000
Chi phí phạt hành chính, phạt nộp chậm thuế	964.856.603	1.602.883.271
Các khoản điều chỉnh giảm	-	10.003.500
Cổ tức được nhận	-	10.003.500
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>(7.470.238.960)</b>	<b>377.720.099</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(324.284.119.259)	(327.384.818.010)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(331.754.358.219)	(327.007.097.911)
<b>Trong đó:</b>		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	19.879.264	-
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(331.774.237.483)	(327.007.097.911)
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>3.975.853</b>	<b>-</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 2. Giao dịch với các bên liên quan

##### 2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Họ tên bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
<b>Thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành:</b>			
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Lương thưởng, phụ cấp	469.410.947	470.224.636
	Cho Công ty vay	37.520.000.000	10.016.000.000
	Công ty trả gốc vay	54.745.305.071	27.750.000.000
	Công ty tạm ứng	63.000.000.000	2.741.000.000
	Hoàn ứng về Công ty	-	2.741.000.000
Trần Hải Anh - Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	Lương thưởng, phụ cấp	81.286.572	471.804.051
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	367.785.165	435.514.211
	Hoàn ứng về Công ty	6.034.210.000	6.627.267.000
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	315.197.755	201.715.801
Bà Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	Lương thưởng, phụ cấp	292.927.441	297.333.789
<b>Thành viên quản lý chủ chốt không trực tiếp điều hành:</b>			
Ông Trần Hải Anh (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	-
Ông Nguyễn Văn Huyền (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	113.760.000
	Công ty tạm ứng	250.000.000	-
Ông Đỗ Quang Tuấn (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	56.160.000	42.660.000
Ông Trần Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	32.760.000	-
<b>Số dư với các cá nhân có liên quan như sau:</b>			
		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Vay		-	17.225.305.071
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng		63.000.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng		6.744.023.000	12.778.233.000
Ông Trần Hải Anh - Tạm ứng		40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Huyền - Tạm ứng		273.700.000	23.700.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**2.2 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc Công ty là đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng MCG
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Con gái Ông Bình là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	Con trai Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Thiết bị phụ tùng cơ điện
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Năng lượng tái tạo Bình Long

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty cổ phần Xây dựng MCG</b>		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	4.277.607	44.351.102
- Doanh thu thi công, xây lắp	18.688.735.110	17.947.500.459
- Thanh toán khối lượng thi công công trình	90.593.464.776	-
- Phải thu tiền lương, bảo hiểm khác	163.879.384	-
- Phải thu tiền lương, bảo hiểm khác, thu khác	141.949.384.753	-
- Cho vay	8.404.386.000	-
- Thu tiền cho vay	8.404.386.000	-
- Phải trả khác	10.980.000.000	1.796.330.000
- Thanh toán phải trả khác	10.782.916.700	-
<b>Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm</b>		
- Cho thuê nhà xưởng	2.377.941.092	-
- Phải thu về cho vay	7.715.140.778	700.663.090
- Phải thu khác	50.689.181	-
- Phải trả tiền hàng	54.545.455	-
- Thu tiền cho vay, tiền thuê nhà xưởng	4.212.995.916	-
<b>Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha</b>		
- Doanh thu cung cấp điện, nước	13.736.233	52.050.978
- Doanh thu thi công, xây lắp	11.353.370.558	-
- Chi hộ tiền lương, bảo hiểm	423.928.274	-
- Thu lại tiền lương, bảo hiểm chi hộ	369.898.038	-
<b>Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</b>		
- Thanh toán khối lượng thi công công trình	2.447.780.280	-
- Phải trả về khối lượng thi công	-	24.766.440.691
<b>Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</b>		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	11.296.838.740	11.272.345.524
- Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước	43.193.842.331	1.771.460.392
- Thanh toán tiền đặt cọc	215.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền đặt cọc hợp đồng hợp tác kinh doanh <i>Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long</i>	152.000.000.000	-
- Doanh thu thi công công trình Bình Long	27.349.713.065	-
- Thu tiền thi công công trình Bình Long <i>Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco</i>	38.316.857.622	-
- Thanh toán tiền mua vật tư <i>Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê</i>	2.500.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm	59.571.488	-
- Thu tiền nợ bảo hiểm	72.120.682	-
- Thanh toán tiền vật tư, thanh toán khác <i>Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện</i>	3.090.363.045	-
- Thanh toán tiền mua vật tư	5.550.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2021, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	23.048.983.448	10.545.165.978
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	18.413.365.541	-
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	107.531.002	30.876.997.057
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	925.682.068	925.682.068
<b>Ứng trước cho người bán</b>		
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	133.164.000	133.164.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	402.194.522	368.686.992
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	48.774.956	141.829.574.956
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	-	1.036.363.636
<b>Phải thu về cho vay</b>		
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	7.315.803.868	700.663.090
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	1.972.261.766	1.972.261.766
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	9.900.149
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	8.232.173.251	-
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	55.000.000	55.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	625.965.310	2.926.375.686
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	6.565.210.086	70.918.999.441
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	5.220.036.449	10.770.036.450
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	-	3.052.995.916
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	3.770.513.396	6.270.513.396
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	-	137.469.755
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	13.158.919	50.526.048
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	152.000.000.000	215.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	197.083.300	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố do Công ty phát hiện những sai sót của các năm trước. Các chỉ tiêu đã thay đổi chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu BCTC đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>				
Tài sản cố định hữu hình	221 (1)	122.066.136.937	(106.101.801.634)	15.964.335.303
Bất động sản đầu tư	230	-	106.101.801.634	106.101.801.634
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123 (2)	10.933.041.096	(10.933.041.096)	-
Hàng tồn kho	141 (3)	202.294.469.051	(46.930.800.213)	155.363.668.838
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 (4)	234.675.156.524	3.681.231.883	238.356.388.407
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 (5)	16.941.989.528	21.711.258.507	38.653.248.035
Phải thu ngắn hạn khác	136 (6)	249.231.606.328	55.667.028.020	304.898.634.348
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254 (7)	(18.011.323.217)	(6.602.207.076)	(24.613.530.293)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 (8)	(311.275.809.759)	(26.829.046.989)	(338.104.856.748)
<b>Báo cáo KQ HĐKD</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 (4)	85.152.969.994	1.840.615.941	86.993.585.935
Giá vốn hàng bán	11 (4)	72.420.655.292	853.357.041	73.274.012.333
Chi phí khác	32 (5)	36.879.258	1.616.782.551	1.653.661.809
Chi phí tài chính	22 (7)	3.250.341.575	6.586.799.538	9.837.141.113
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60 (9)	5.753.735.517	(7.216.323.189)	(1.462.587.672)
<b>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01 (9)	5.753.735.517	(7.216.323.189)	(1.462.587.672)
Các khoản dự phòng	03 (7)	(199.311.376.682)	6.602.207.076	(192.709.169.606)
Chi phí lãi vay	06 (7)	534.385.302	(15.407.538)	518.977.764
Tăng, giảm các khoản phải thu	09 (10)	227.403.643.074	(47.918.059.113)	179.485.583.961
Tăng, giảm hàng tồn kho	10 (3)	5.843.807.686	46.930.800.213	52.774.607.899
Tăng giảm các khoản phải trả	11 (11)	(35.246.520.380)	1.601.375.013	(33.645.145.367)
Tiền lãi vay đã trả	14 (7)	(485.582.954)	15.407.538	(470.175.416)

**Giải thích lý do**

(1) Trình bày lại giá trị của tài sản là nhà cửa vật kiến trúc đã dùng để cho thuê từ chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình sang chỉ tiêu Bất động sản đầu tư với giá trị 106.101.801.634 đồng.

(2) Khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn giảm 10.933.041.096 đồng, tương ứng với khoản tăng Phải thu khác ngắn hạn, do đây là khoản Công ty ủy thác Bà Lê Thị Bích Lộc gửi tiền tiết kiệm thời hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

(3) Trình bày lại giá trị khoản ủy thác đầu tư cho nhân viên công ty thực hiện đầu tư vào dự án Dương Nội từ chỉ tiêu Hàng tồn kho sang chỉ tiêu Phải thu khác với giá trị 46.930.800.213 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(4) Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 3.681.231.883 đồng, khoản Phải thu khác ngắn hạn giảm 2.196.813.289 đồng, tương ứng với khoản tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.484.418.594 đồng. Đồng thời, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.840.615.941 đồng, Giá vốn hàng bán tăng 853.357.041 đồng, tương ứng với khoản tăng Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 987.258.900 đồng. Các thay đổi này là do doanh thu, giá vốn cho Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm thuê nhà xưởng được điều chỉnh cho năm 2019, 2020.

(5) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 21.711.258.507 đồng, tương ứng với khoản giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Đồng thời, Chi phí khác tăng 1.616.782.551 đồng, tương ứng với khoản giảm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Các thay đổi này là do chi phí phạt nộp chậm thuế được điều chỉnh cho những năm trước theo các thông báo của Cục thuế TP. Hà Nội và khoản điều chỉnh chi phí nộp phạt bảo hiểm sang chi phí khác.

(6) Phải thu ngắn hạn khác tăng 55.667.028.020 đồng là do tổng hợp các thay đổi ở mục (2), (3) và (4).

(7) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 6.602.207.076 đồng tương ứng tăng chi phí tài chính. Các thay đổi này là do khoản tăng dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Khoáng sản Meco. Chi phí tài chính giảm 15.407.538 đồng là do khoản điều chỉnh giảm lãi vay (tiền chậm nộp BH) chuyển sang chi phí khác.

(8) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 26.829.046.989 đồng là do tổng hợp các thay đổi ở mục (4) và (5).

(9) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 7.216.323.189 đồng là do tổng hợp các thay đổi ở mục (4), (5) và (7).

(10) Tăng, giảm các khoản phải thu giảm 47.918.059.113 đồng là do tổng hợp các thay đổi ở mục (3) và (4).

(11) Tăng, giảm các khoản phải trả tăng 1.601.375.013 đồng là do tổng hợp các thay đổi ở mục (5) và (7).

#### 4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 57.710.125.419 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 374.305.422.336 đồng. Đồng thời theo quyết định số 31404/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2021 của Cục thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 với số tiền thuế bị cưỡng chế là 22.485.077.489 đồng. Trong thời gian qua Công ty đã nộp bổ sung thuế dẫn đến số thuế còn nợ tại ngày 31/03/2022 là: 7.870.311.663 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Ngọc Bình đồng thời là cổ đông lớn của Công ty cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính riêng cho Công ty bằng cách cho vay tài chính để Công ty có thể tiếp tục hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Bình